TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 70/2019/QĐST-HNGĐ	***YK,*** *ngày 22 tháng 07 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị T sinh năm 1991; địa chỉ xóm 10, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Q sinh năm 1983; địa chỉ xóm 10, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Qhội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 07 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/07/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị T và anh Q

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị T và anh Q cùng trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu H sinh ngày 27/11/2010. Chị T và anh Q thỏa thuận, giao cháu H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu H trưởng thành.

Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H được sống chung với anh Q và chị T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu H; anh Q không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu H.

Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu thi án đối với số tiền chị T phải cấp dưỡng nuôi con, cho đến khi thi hành án xong, hắng tháng chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản: Chị T và anh Q đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia với nhau, nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị T và anh Q thỏa thuận chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đình ký, theo quyết định của Tòa án, do hai bên thỏa thuận nên chị T phải nộp 150.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Tổng án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chị T phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002063 ngày 26/06/2019 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.